

THÔNG BÁO
Kết quả vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức năm 2021
của Trung tâm Y tế quận Sơn Trà

Thực hiện Quyết định số 475/QĐ-SNV ngày 16 tháng 12 năm 2021 về việc phê duyệt Kế hoạch xét tuyển viên chức Trung tâm Y tế quận Sơn Trà, trực thuộc Sở Y tế năm 2021;

Căn cứ Biên bản ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức Trung tâm Y tế quận Sơn Trà năm 2021;

Hội đồng tuyển dụng viên chức Trung tâm Y tế quận Sơn Trà năm 2021 thông báo một số nội dung sau:

1. Danh sách tổng hợp kết quả vòng 2 tuyển dụng viên chức năm 2021;
(Phụ lục đính kèm).

Danh sách tổng hợp kết quả kiểm tra, sát hạch vòng 2 được đăng trên trang thông tin điện tử: <https://benhviensontra.com.vn> của Trung tâm Y tế quận Sơn Trà và niêm yết tại trụ sở đơn vị tại địa chỉ: số 1118 Ngô Quyền, P. An Hải Tây, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.

2. Hội đồng tuyển dụng viên chức Trung tâm Y tế quận Sơn Trà năm 2021 nhận đơn, phản ánh kiến nghị, khiếu nại về kỳ xét tuyển viên chức năm 2021 (nếu có) trong thời gian từ ngày 21/02/2022 đến hết ngày 28/02/2022 tại địa chỉ như sau: Trung tâm Y tế quận Sơn Trà, số 1118 Ngô Quyền, P. An Hải Tây, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.

Sau thời gian quy định trên, Hội đồng tuyển dụng viên chức Trung tâm Y tế quận Sơn Trà năm 2021 sẽ tiến hành lập thủ tục và trình cấp thẩm quyền phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức.

Trên đây là thông báo các nội dung về dự kiến kết quả của thí sinh tham dự xét tuyển viên chức năm 2021 của Trung tâm Y tế quận Sơn Trà/.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (để báo cáo);
- Sở Y tế (để báo cáo);
- Niêm yết Website;
- Niêm yết tại BV ;
- Các thí sinh dự tuyển
- Lưu: VT, TC-HC.



GIÁM ĐỐC

Phạm Hồng Nam

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN SƠN TRÀ NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số 148 /TB-YTST ngày 2 tháng 02 năm 2022 của Trung tâm Y tế quận Sơn Trà)

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Địa chỉ hiện tại | Xin xét tuyển vào | | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ chuyên môn | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ tin học | Đôi trọng ưu tiên | Điểm phỏng vấn vòng 2 (thang điểm 100) | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả dự kiến |
|---|------------------|---------------------|----|--|--------------------------------|------------|--|-----------------------|--------------------|-------------------------------------|-------------------|--|--------------|-----------|-----------------|
| | | Nam | Nữ | | Chức danh | Mã ngạch | | | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| I. VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG TỪ SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC ĐƯỢC CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN GIAO | | | | | | | | | | | | | | | |
| Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS | | | | | | | | | | | | | | | |
| I. Bác sỹ y học dự phòng (Mã ngạch V.08.02.06): 04 hồ sơ/01 chỉ tiêu tuyển dụng | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Lê Văn Trung Sơn | 28/5/1996 | | Số 31 Nại Hiên Đông 9, Nại Hiên Đông, Sơn Trà, TP. Đà Nẵng | Bác sỹ y học dự phòng hạng III | V.08.02.06 | Bác sỹ y học dự phòng hạng III khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS | Bác sỹ y học dự phòng | Tiếng Anh C | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | | 72.2 | | 72.2 | Trúng tuyển |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Địa chỉ hiện tại | Xin xét tuyển vào | | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ chuyên môn | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ tin học | Đôi tượng ưu tiên | Điểm phỏng vấn vòng 2 (thang điểm 100) | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả dự kiến |
|----|-------------------|---------------------|------------|---|--------------------------------|------------|--|-----------------------|--------------------|-------------------------------------|-------------------|--|--------------|-----------|-------------------|
| | | Nam | Nữ | | Chức danh | Mã ngạch | | | | | | | | | |
| 2 | Nguyễn Thị Hà Vân | | 24/3/1996 | Số 14 Nguyễn Đức Cảnh, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam | Bác sỹ y học dự phòng hạng III | V.08.02.06 | Bác sỹ y học dự phòng hạng III khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS | Bác sỹ y học dự phòng | Tiếng Anh B1 | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | | 71.5 | | 71.5 | Không trúng tuyển |
| 3 | Trần Thị Thu Anh | | 10/11/1996 | Số 35 Hữu Nghị, Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình | Bác sỹ y học dự phòng hạng III | V.08.02.06 | Bác sỹ y học dự phòng hạng III khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS | Bác sỹ y học dự phòng | Tiếng Anh bậc 3/6 | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | | 12 | | 12 | Không trúng tuyển |
| 4 | Cao Nhật Hoàng | 02/02/1992 | | Triệu Ái, Triệu Phong, Quảng Trị | Bác sỹ y học dự phòng hạng III | V.08.02.06 | Bác sỹ y học dự phòng hạng III khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS | Bác sỹ y học dự phòng | Tiếng Anh B1 | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | | Vắng | | | Không trúng tuyển |

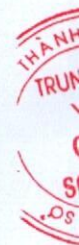
| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Địa chỉ hiện tại | Xin xét tuyển vào | | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ chuyên môn | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ tin học | Đôi tượng ưu tiên | Điểm phỏng vấn vòng 2 (thang điểm 100) | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả dự kiến |
|---|---------------------|---------------------|-----------|--|--------------------------|----------------|--|-----------------------|----------------------------|---|-------------------|--|--------------|-----------|-----------------|
| | | Nam | Nữ | | Chức danh | Mã ngạch | | | | | | | | | |
| I. Y sỹ hạng IV (Mã ngạch V.08.03.07): 01 hồ sơ/01 chỉ tiêu tuyển dụng | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Diệu Hoa | | 01/9/1993 | Tổ 55 Khái Tây I. Hòa Quý, Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng | Y sỹ hạng IV | V.08.03 .07 | Y sỹ hạng IV TYT phường Mân Thái | Trung cấp y sỹ | Tiếng Anh B | Tin học văn phòng | | 53 | | 53 | Trúng tuyển |
| II. VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG TỪ NGUỒN KINH PHÍ TỰ CHỦ CỦA ĐƠN VỊ | | | | | | | | | | | | | | | |
| Phòng Tổ chức- Hành chính | | | | | | | | | | | | | | | |
| I. Tổ chức nhân sự (Mã ngạch: 01.003): 01 hồ sơ/01 chỉ tiêu tuyển dụng | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Phan Xuân Tuấn | | 3/9/1995 | 124 Châu Thượng Văn, Hải Châu, Đà Nẵng | Tổ chức nhân sự | 01.003 | Tổ chức nhân sự phòng Tổ chức- Hành chính | Cử nhân Lịch sử | Tiếng anh bậc 3/6 | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | | 50 | | 50 | Trúng tuyển |
| Phòng Tài chính- Kế toán | | | | | | | | | | | | | | | |
| I. Kế toán viên (Mã ngạch: '06.031): 05 hồ sơ/03 chỉ tiêu tuyển dụng | | | | | | | | | | | | | | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Địa chỉ hiện tại | Xin xét tuyển vào | | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ chuyên môn | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ tin học | Đôi tượng ưu tiên | Điểm phỏng vấn vòng 2 (thang điểm 100) | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả dự kiến |
|----|----------------------|---------------------|------------|---|-------------------|----------|---------------------------------------|------------------------------|--------------------------|---------------------------------------|-------------------|--|--------------|-----------|-------------------|
| | | Nam | Nữ | | Chức danh | Mã ngạch | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Anh Thư | | 23/8/1985 | Tổ 14 Mỹ An, Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng | Kế toán viên | 06031 | Kế toán viên phòng Tài chính- Kế toán | Cử nhân Kế toán | Tiếng Anh B | Tin học văn phòng | | 73.5 | | 73.5 | Trúng tuyển |
| 2 | Lưu Thị Thúy Nga | | 05/6/1985 | 14A Phan Bội Châu, Hải Châu, TP. Đà Nẵng | Kế toán viên | 06031 | Kế toán viên phòng Tài chính- Kế toán | Cử nhân Kế toán | Tiếng Anh C | Tin học Ứng dụng C | | 69.5 | | 69.5 | Trúng tuyển |
| 3 | Nguyễn Quốc Khánh | 13/10/1989 | | 27 An Hải 8, An Hải Bắc, Sơn Trà, Đà Nẵng | Kế toán viên | 06031 | Kế toán viên phòng Tài chính- Kế toán | Cử nhân Tài chính- Ngân hàng | Tiếng Anh C | Tin học B | | 77 | | 77 | Trúng tuyển |
| 4 | Nguyễn Thị Quỳnh Như | | 12/11/1998 | Nam Phước, Duy Xuyên, Quảng Nam | Kế toán viên | 06031 | Kế toán viên phòng Tài chính- Kế toán | Cử nhân Kế toán | Tiếng Anh TOEIC 610 điểm | Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao | | 40 | | 40 | Không trúng tuyển |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Địa chỉ hiện tại | Xin xét tuyển vào | | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ chuyên môn | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ tin học | Đối tượng ưu tiên | Điểm phỏng vấn vòng 2 (thang điểm 100) | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả dự kiến |
|---|-------------------|---------------------|-----------|---|------------------------|----------|---|-----------------------------|---------------------|-------------------------------------|-------------------|--|--------------|-----------|-------------------|
| | | Nam | Nữ | | Chức danh | Mã ngạch | | | | | | | | | |
| 5 | Lữ Thị Thùy Dung | | 21/9/1986 | Tổ 03 Mỹ An, Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng | Kế toán viên | 06031 | Kế toán viên phòng Tài chính- Kế toán | Cử nhân Kế toán | Tiếng Anh B | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | | Vắng | | | Không trúng tuyển |
| II. Kế toán viên trung cấp (Mã ngạch: 06.032): 01 hồ sơ/01 chỉ tiêu tuyển dụng | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Bùi Thị Hải | | 21/9/1991 | 158 Trần Quang Khải, Sơn Trà, TP. Đà Nẵng | Kế toán viên trung cấp | 06032 | Kế toán viên trung cấp phòng Tài chính- Kế toán | Cao đẳng kế toán | TOEF L ITP 380 điểm | Tin học ứng dụng A+B | | 80 | | 80 | Trúng tuyển |
| Phòng Kế hoạch- Nghiệp vụ | | | | | | | | | | | | | | | |
| I. Quản lý chất lượng (Mã ngạch 01.003): 03 hồ sơ/03 chỉ tiêu tuyển dụng | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Đào Thị Minh Thúy | | 04/8/1993 | 733/2 Ngô Quyền, Sơn Trà, TP. Đà Nẵng | Quản lý chất lượng | 01.003 | Quản lý chất lượng phòng Kế hoạch- nghiệp vụ | Cử nhân Quản trị kinh doanh | TOEF L 525 điểm | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | | 73.5 | | 73.5 | Trúng tuyển |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Địa chỉ hiện tại | Xin xét tuyển vào | | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ chuyên môn | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ tin học | Đổi trọng ưu tiên | Điểm phỏng vấn vòng 2 (thang điểm 100) | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả dự kiến |
|---|-----------------------|---------------------|------------|--|--------------------|------------|---|---------------------------|--------------------------|-------------------------------------|-------------------|--|--------------|-----------|-------------------|
| | | Nam | Nữ | | Chức danh | Mã ngạch | | | | | | | | | |
| 2 | Nguyễn Hoàng Thu Thủy | | 01/3/1995 | K19/6 Lạc Long Quân, Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng | Quản lý chất lượng | 01.003 | Quản lý chất lượng phòng Kế hoạch-nghiệp vụ | Bác sỹ Y học dự phòng | Tiếng Anh IELTS 5.5 | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | | 40 | | 40 | Không trúng tuyển |
| 3 | Trương Thị Thu Thảo | | 15/04/1998 | Bùi Huy Đáp, Hòa Châu, Hòa Vang, TP. Đà Nẵng | Quản lý chất lượng | 01.003 | Quản lý chất lượng phòng Kế hoạch-nghiệp vụ | Cử nhân Y tế công cộng | Tiếng anh TOEIC 585 điểm | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | | 25 | | 25 | Không trúng tuyển |
| Khoa Xét Nghiệm | | | | | | | | | | | | | | | |
| I. Kỹ thuật y hạng IV (Mã ngạch V.08.07.19): 02 hồ sơ/02 chỉ tiêu tuyển dụng | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Hồng Vân | | 02/6/1996 | K221/16/3 Tôn Đản, TP. Đà Nẵng | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | Kỹ thuật Y hạng IV khoa Xét nghiệm | Cao đẳng xét nghiệm y học | Tiếng Anh C | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | | 90 | | 90 | Trúng tuyển |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Địa chỉ hiện tại | Xin xét tuyển vào | | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ chuyên môn | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ tin học | Đôi tượng ưu tiên | Điểm phỏng vấn vòng 2 (thang điểm 100) | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả dự kiến |
|--|---------------|---------------------|-----------|--|--------------------|------------|---|---|--------------------------|-------------------------------------|-------------------|--|--------------|-----------|-----------------|
| | | Nam | Nữ | | Chức danh | Mã ngạch | | | | | | | | | |
| 2 | Trà Anh Đào | | 20/7/1992 | Tổ 10, Hòa Hiệp Nam, Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | Kỹ thuật Y hạng IV khoa Xét nghiệm | Cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học | Tiếng Anh B | Tin học ứng dụng B | | 75 | | 75 | Trúng tuyển |
| Khoa Chẩn đoán hình ảnh | | | | | | | | | | | | | | | |
| I. Bác sỹ hạng III (Mã ngạch V.08.01.03): 02 hồ sơ/02 chỉ tiêu tuyển dụng | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Hoàng Doãn An | 6/1/1996 | | 253 Tôn Thất Dương Kị, Hòa Xuân, Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng | Bác sỹ hạng III | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III khoa Chẩn đoán hình ảnh | Bác sỹ đa khoa | Tiếng Anh Toeic 790 điểm | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | | 76.5 | | 76.5 | Trúng tuyển |
| 2 | Lưu Bá Phong | 12/7/1978 | | Tổ 65 Mỹ An, Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng | Bác sỹ hạng III | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III khoa Chẩn đoán hình ảnh | Bác sỹ chuyên khoa I Chẩn đoán hình ảnh | Tiếng Anh Bậc 3/6 | Tin học ứng dụng | | 85 | | 85 | Trúng tuyển |
| Khoa Dược- Trang thiết bị vật tư y tế | | | | | | | | | | | | | | | |



| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Địa chỉ hiện tại | Xin xét tuyển vào | | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ chuyên môn | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ tin học | Đôi tượng ưu tiên | Điểm phỏng vấn vòng 2 (thang điểm 100) | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả dự kiến |
|---|---------------------|---------------------|------------|--|-------------------|-------------|---|---------------------|--------------------|---------------------------------------|-------------------|--|--------------|-----------|-------------------|
| | | Nam | Nữ | | Chức danh | Mã ngạch | | | | | | | | | |
| I. Dược sỹ hạng III (Mã ngạch V.08.08.22): 05 hồ sơ/03 chỉ tiêu tuyển dụng | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Châu Thị Hà My | | 12/10/1991 | K123/H97 /24 Cù Chính Lan, Hòa Khê, Thanh Khê, TP. Đà Nẵng | Dược sỹ hạng III | V.08.08 .22 | Dược sỹ hạng III khoa Dược-Trang thiết bị vật tư y tế | Dược sỹ đại học | Tiếng Anh C | Tin học B | | 40 | | 40 | Không trúng tuyển |
| 2 | Nguyễn Thị Bảo Ngọc | | 13/01/1997 | 118 Hồ Huân Nghiệp, Mỹ An, Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng | Dược sỹ hạng III | V.08.08 .22 | Dược sỹ hạng III khoa Dược-Trang thiết bị vật tư y tế | Dược sỹ đại học | Tiếng Anh C | Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao | | 80 | | 80 | Trúng tuyển |
| 3 | Nguyễn Thùy Lan Anh | | 21/9/1987 | 65 Ý Lan Nguyễn Phi, Hải Châu, TP. Đà Nẵng | Dược sỹ hạng III | V.08.08 .22 | Dược sỹ hạng III khoa Dược-Trang thiết bị vật tư y tế | Dược sỹ đại học | Tiếng Anh A2 | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | | Vắng | | | Không trúng tuyển |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Địa chỉ hiện tại | Xin xét tuyển vào | | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ chuyên môn | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ tin học | Đôi tượng ưu tiên | Điểm phỏng vấn vòng 2 (thang điểm 100) | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả dự kiến |
|---|--------------------|---------------------|------------|--|-------------------|------------|---|---------------------|--------------------|-------------------------------------|-------------------|--|--------------|-----------|-----------------|
| | | Nam | Nữ | | Chức danh | Mã ngạch | | | | | | | | | |
| 4 | Huỳnh Thị Yên Hằng | | 16/11/1995 | 63 Nại Thịnh 1, Sơn Trà, TP. Đà Nẵng | Dược sỹ hạng III | V.08.08.22 | Dược sỹ hạng III khoa Dược-Trang thiết bị vật tư y tế | Dược sỹ đại học | Tiếng Anh C | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | | 80 | | 80 | Trúng tuyển |
| 5 | Lê Thị Mai Anh | | 31/01/1997 | 45 Hoàng Sỹ Khai, Sơn Trà, TP. Đà Nẵng | Dược sỹ hạng III | V.08.08.22 | Dược sỹ hạng III khoa Dược-Trang thiết bị vật tư y tế | Dược sỹ đại học | Tiếng Anh Bậc 3/6 | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | | 90 | | 90 | Trúng tuyển |
| II. Dược sỹ hạng IV (Mã ngạch V.08.08.23): 02 hồ sơ/01 chỉ tiêu tuyển dụng | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Lê Thị Hồng Thắm | | 14/01/1988 | H25/19 Phan Tứ, Mỹ An, Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng | Dược sỹ hạng IV | V.08.08.23 | Dược sỹ hạng IV Khoa Dược-Trang thiết bị vật tư y tế | Cao đẳng Dược | Tiếng Anh C | KTV Tin học | | 65 | | 65 | Trúng tuyển |

PHÒNG
M
RA
ĐƠN

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Địa chỉ hiện tại | Xin xét tuyển vào | | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ chuyên môn | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ tin học | Đối tượng ưu tiên | Điểm phỏng vấn vòng 2 (thang điểm 100) | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả dự kiến |
|----|--------------------|---------------------|------------|---|-------------------|------------|--|---------------------|--------------------|-------------------|-------------------|--|--------------|-----------|-------------------|
| | | Nam | Nữ | | Chức danh | Mã ngạch | | | | | | | | | |
| 2 | Đặng Thị Bích Thảo | | 14/11/1988 | Tổ '06 Hòa Thọ Tây, Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng | Dược sỹ hạng IV | V.08.08.23 | Dược sỹ hạng IV Khoa Dược-Trang thiết bị vật tư y tế | Cao đẳng Dược | Tiếng Anh B | Tin học văn phòng | | 29.5 | | 29.5 | Không trúng tuyển |

Khoa Khám bệnh

I. Bác sỹ hạng III (Mã ngạch V.08.01.03): 02 hồ sơ/02 chỉ tiêu tuyển dụng

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|-------------------|-----------|-----------|--|-----------------|------------|--------------------------------|----------------|-------------------|-------------------------------------|--------------------------------|------|---|------|-------------|
| 1 | Trần Lê Minh Tiến | 08/9/1996 | | Xã Điện Phương, huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam | Bác sỹ hạng III | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III khoa Khám bệnh | Bác sỹ đa khoa | Tiếng Anh Bậc 3/6 | Tin học ứng dụng B | | 63.5 | | 63.5 | Trúng tuyển |
| 2 | Ksor H'Loanh | | 28/5/1997 | 27 Lương Thế Vinh, An Hải Đông, Sơn Trà, TP. Đà Nẵng | Bác sỹ hạng III | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III khoa Khám bệnh | Bác sỹ đa khoa | Tiếng Anh B1 | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Người dân tộc thiểu số Gia Rai | 73 | 5 | 78 | Trúng tuyển |

II. Điều dưỡng hạng III (Mã ngạch V.08.05.12): 01 hồ sơ/01 chỉ tiêu tuyển dụng

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Địa chỉ hiện tại | Xin xét tuyển vào | | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ chuyên môn | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ tin học | Đôi tượng ưu tiên | Điểm phỏng vấn vòng 2 (thang điểm 100) | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả dự kiến |
|----|----------------------|---------------------|-----------|---|---------------------|------------|------------------------------------|---------------------|--------------------|--------------------|-------------------|--|--------------|-----------|-----------------|
| | | Nam | Nữ | | Chức danh | Mã ngạch | | | | | | | | | |
| 1 | Huỳnh Thị Thanh Hằng | | 26/5/1996 | Lô 23B2 Phan Thành Tài, Hải Châu, TP. Đà Nẵng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | Điều dưỡng hạng III Khoa Khám bệnh | Cử nhân điều dưỡng | Tiếng Anh B | Tin học ứng dụng B | | 73.5 | | 73.5 | Trúng tuyển |

III. Điều dưỡng hạng IV (Mã ngạch V.08.05.13): 0 hồ sơ/02 chỉ tiêu tuyển dụng

Khoa Liên Chuyên Khoa

I. Bác sỹ hạng III (Mã ngạch V.08.01.03): 02 hồ sơ/02 chỉ tiêu tuyển dụng

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|--------------------|--|------------|---|-----------------|------------|---------------------------------------|---------------------|-------------------|-------------------------------------|--|----|--|----|-------------|
| 1 | Nguyễn Lê Kỳ Duyên | | 21/3/1996 | K29/5 Hồ Xuân Hương, Mỹ An, Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng | Bác sỹ hạng III | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III khoa Liên Chuyên Khoa | Bác sỹ đa khoa | Tiếng Anh Bậc 3/6 | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | | 73 | | 73 | Trúng tuyển |
| 2 | Phan Thị Kim Hằng | | 01/12/1996 | 17 Phạm Văn, Mân Thái, Sơn Trà, TP. Đà Nẵng | Bác sỹ hạng III | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III khoa Liên Chuyên Khoa | Bác sỹ Răng-hàm-mặt | Tiếng Anh B1 | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | | 57 | | 57 | Trúng tuyển |

II. Điều dưỡng hạng III (Mã ngạch V.08.05.12): 0 hồ sơ/01 chỉ tiêu tuyển dụng

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Địa chỉ hiện tại | Xin xét tuyển vào | | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ chuyên môn | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ tin học | Đôi tượng ưu tiên | Điểm phỏng vấn vòng 2 (thang điểm 100) | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả dự kiến |
|---|-------------------|---------------------|-----------|---|---------------------|------------|---|---------------------|--------------------|-------------------------------------|------------------------------------|--|--------------|-----------|-------------------|
| | | Nam | Nữ | | Chức danh | Mã ngạch | | | | | | | | | |
| III. Điều dưỡng hạng IV (Mã ngạch V.08.05.13): 0 hồ sơ/01 chỉ tiêu tuyển dụng | | | | | | | | | | | | | | | |
| Khoa Ngoại tổng hợp | | | | | | | | | | | | | | | |
| I. Bác sỹ hạng III (Mã ngạch V.08.01.03): 01 hồ sơ/01 chỉ tiêu tuyển dụng | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Bùi Đức Hiếu | 24/02/1997 | | K235/H65 Tiểu La, Hòa Cường Bắc, Hải Châu, TP. Đà Nẵng | Bác sỹ hạng III | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III khoa Ngoại tổng hợp | Bác sỹ đa khoa | Tiếng Anh A2 | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | | 56 | | 56 | Trúng tuyển |
| II. Bác sỹ hạng III (chuyên ngành gây mê hồi sức (Mã ngạch V.08.01.03): 0 hồ sơ/01 chỉ tiêu tuyển dụng | | | | | | | | | | | | | | | |
| III. Điều dưỡng hạng III (Mã ngạch V.08.05.12): 01 hồ sơ/01 chỉ tiêu tuyển dụng | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Trịnh Thị Yến Luy | | 10/5/1980 | 09 An Thượng 19, Mỹ An, Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | Điều dưỡng hạng III khoa Ngoại tổng hợp | Cử nhân Điều dưỡng | Tiếng Anh B | Tin học B | Con bệnh binh mất sức lao động 61% | 35 | 5 | 40 | Không trúng tuyển |
| IV. Điều dưỡng hạng IV (Mã ngạch V.08.05.13): 02 hồ sơ/02 chỉ tiêu tuyển dụng | | | | | | | | | | | | | | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Địa chỉ hiện tại | Xin xét tuyển vào | | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ chuyên môn | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ tin học | Điểm trọng ưu tiên | Điểm phỏng vấn vòng 2 (thang điểm 100) | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả dự kiến |
|--|------------------------|---------------------|------------|---|---------------------|------------|--|---------------------|--------------------|---------------------------------------|--------------------|--|--------------|-----------|-----------------|
| | | Nam | Nữ | | Chức danh | Mã ngạch | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Thu Trang | | 10/11/1994 | K18 Nguyễn Đức An, Mân Thái, Sơn Trà, TP. Đà Nẵng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV khoa Ngoại tổng hợp | Cao đẳng Điều dưỡng | Tiếng Anh B | Tin học ứng dụng B | | 50 | | 50 | Trúng tuyển |
| 2 | Trần Ngô Thị Diệu Hiền | | 20/10/1989 | Điện Ngọc, Điện Bàn, Quảng Nam | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV khoa Ngoại tổng hợp | Cao đẳng Điều dưỡng | Tiếng Anh B | Tin học ứng dụng B | | 83 | | 83 | Trúng tuyển |
| Khoa Nhi | | | | | | | | | | | | | | | |
| I. Điều dưỡng hạng III (Mã ngạch V.08.05.12): 01 hồ sơ/01 chỉ tiêu tuyển dụng | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Thùy Linh | | 24/11/1997 | Chung cư An Trung 2, An Hải Tây, Sơn Trà, TP. Đà Nẵng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | Điều dưỡng hạng III Khoa Nhi | Cử nhân điều dưỡng | Tiếng Anh Bậc 3/6 | Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao | | 73 | | 73 | Trúng tuyển |
| III. Điều dưỡng hạng IV (Mã ngạch V.08.05.13): 0 hồ sơ/02 chỉ tiêu tuyển dụng | | | | | | | | | | | | | | | |
| Khoa Nội tổng hợp | | | | | | | | | | | | | | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Địa chỉ hiện tại | Xin xét tuyển vào | | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ chuyên môn | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ tin học | Đôi tượng ưu tiên | Điểm phỏng vấn vòng 2 (thang điểm 100) | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả dự kiến |
|---|-------------------|---------------------|------------|---|---------------------|------------|---|---------------------|--------------------|-------------------------------------|-------------------|--|--------------|-----------|-----------------|
| | | Nam | Nữ | | Chức danh | Mã ngạch | | | | | | | | | |
| I. Bác sỹ hạng III (Mã ngạch V.08.01.03): 0 hồ sơ/02 chỉ tiêu tuyển dụng | | | | | | | | | | | | | | | |
| II. Điều dưỡng hạng III (Mã ngạch V.08.05.12): 01 hồ sơ/01 chỉ tiêu tuyển dụng | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Quốc Cường | 08/12/1997 | | Tổ 63, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | Điều dưỡng hạng III Khoa Nội tổng hợp | Cử nhân điều dưỡng | Tiếng Anh C | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | | 73 | | 73 | Trúng tuyển |
| II. Điều dưỡng hạng IV (Mã ngạch V.08.05.13): 0 hồ sơ/02 chỉ tiêu tuyển dụng | | | | | | | | | | | | | | | |
| Khoa Phụ Sản- Chăm sóc sức khỏe sinh sản | | | | | | | | | | | | | | | |
| I. Bác sỹ hạng III (Mã ngạch V.08.01.03): 01 hồ sơ/02 chỉ tiêu tuyển dụng | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Trần Thị Thu Thủy | | 10/10/1993 | 303 Ý Lan Nguyễn Phi, Hải Châu, TP. Đà Nẵng | Bác sỹ hạng III | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III khoa Khoa Phụ Sản- Chăm sóc sức khỏe sinh sản | Bác sỹ đa khoa | Tiếng Anh C | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | | 55 | | 55 | Trúng tuyển |
| II. Hộ sinh hạng IV (Mã ngạch V.08.06.16): '0 hồ sơ/01 chỉ tiêu tuyển dụng | | | | | | | | | | | | | | | |
| Khoa Hồi sức- cấp cứu | | | | | | | | | | | | | | | |
| I. Bác sỹ hạng III (Mã ngạch V.08.01.03):'01 hồ sơ/01 chỉ tiêu tuyển dụng | | | | | | | | | | | | | | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Địa chỉ hiện tại | Xin xét tuyển vào | | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ chuyên môn | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ tin học | Đổi tượng ưu tiên | Điểm phỏng vấn vòng 2 (thang điểm 100) | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả dự kiến |
|---|-----------------------|---------------------|------------|--|---------------------|------------|--|---------------------|--------------------------|-------------------------------------|---------------------|--|--------------|-----------|-----------------|
| | | Nam | Nữ | | Chức danh | Mã ngạch | | | | | | | | | |
| 1 | Lê Nguyên Thảo Nguyên | | 26/10/1996 | 536B Trần Cao Vân, Xuân Hà, Thanh Khê, TP. Đà Nẵng | Bác sỹ hạng III | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III khoa Hồi sức cấp cứu | Bác sỹ đa khoa | Tiếng Anh IELTS 7.0 | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | | 56.5 | | 56.5 | Trúng tuyển |
| II. Điều dưỡng hạng III (Mã ngạch V.08.05.12): 01 hồ sơ/01 chỉ tiêu tuyển dụng | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Xuân Lộc | | 23/8/1992 | 375/24/2 Nguyễn Phước Nguyên, An Khê, Thanh Khê, TP. Đà Nẵng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | Điều dưỡng hạng III khoa Hồi sức cấp cứu | Cử nhân điều dưỡng | Tiếng Anh TOEIC 590 điểm | Tin học ứng dụng B | Con thương binh 4/4 | 84 | 5 | 89 | Trúng tuyển |
| III. Điều dưỡng hạng IV (Mã ngạch V.08.05.13): 0 hồ sơ/01 chỉ tiêu tuyển dụng | | | | | | | | | | | | | | | |
| Khoa Y học cổ truyền- Phục hồi chức năng | | | | | | | | | | | | | | | |
| I. Bác sỹ hạng III (Mã ngạch V.08.01.03): 01 hồ sơ/01 chỉ tiêu tuyển dụng | | | | | | | | | | | | | | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Địa chỉ hiện tại | Xin xét tuyển vào | | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ chuyên môn | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ tin học | Đối tượng ưu tiên | Điểm phỏng vấn vòng 2 (thang điểm 100) | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả dự kiến |
|--|----------------|---------------------|-----------|--|---------------------|------------|--|------------------------|--------------------|-------------------------------------|-------------------|--|--------------|-----------|-----------------|
| | | Nam | Nữ | | Chức danh | Mã ngạch | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thế Tâm | 05/01/1995 | | 300/10 Hải Phòng - phường Tân Chính quận Thanh Khê TP. Đà Nẵng | Bác sỹ hạng III | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III khoa Y học cổ truyền- Phục hồi chức năng | Bác sỹ y học cổ truyền | Tiếng Anh A2 | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | | 55 | | 55 | Trúng tuyển |
| II. Điều dưỡng hạng III (Mã ngạch V.08.05.12): 0 hồ sơ/01 chỉ tiêu tuyển dụng | | | | | | | | | | | | | | | |
| III. Điều dưỡng hạng IV (Mã ngạch V.08.05.13): 0 hồ sơ/01 chỉ tiêu tuyển dụng | | | | | | | | | | | | | | | |
| Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn | | | | | | | | | | | | | | | |
| I. Điều dưỡng hạng III (Mã ngạch V.08.05.12): 01 hồ sơ/01 chỉ tiêu tuyển dụng | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Phan Thị Mỹ | | 25/8/1999 | 25 Võ Như Hưng, Mỹ An, Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | Điều dưỡng hạng III khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn | Cử nhân điều dưỡng | Tiếng Anh C | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | | 80 | | 80 | Trúng tuyển |

Danh sách này tổng cộng có 42 thí sinh.

Trong đó:

- Số thí sinh vắng: 03 người
- Số thí sinh dự kiểm tra, sát hạch: 39 người